

ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN ĐỜI SỐNG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM HỌC 2021-2022

Nguyễn Quốc Tiến¹, Phạm Tuấn Đạt¹,
Hà Thị Thu Hiền¹, Đoàn Văn Ảnh^{1*}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Tìm hiểu ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến đời sống sinh viên trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2021 – 2022.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 1200 sinh viên chính quy trường Đại học Y Dược Thái Bình. Thời gian thu thập số liệu từ cuối tháng 4/2021, ngay sau khi xảy ra làn sóng dịch COVID-19 thứ 4 tại Việt Nam.

Kết quả: 40,7% sinh viên đi làm thêm, trong đó 89,3% phải nghỉ làm thêm do dịch COVID-19. Trong thời gian giãn cách / cách ly, sinh viên tham gia các hoạt động sử dụng internet chiếm tỷ lệ nhiều (>70%). Trong đó chỉ có <10% sinh viên cảm thấy thoải mái khi thực hiện các hoạt động thường ngày.

Từ khóa: Sinh viên, đời sống, COVID-19

ABSTRACT

THE IMPACT OF THE COVID-19 EPIDEMIC ON THE LIFE OF STUDENTS AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2021-2022

Objective: To find out the impact of the COVID-19 epidemic on the life of students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in the academic year 2021 - 2022.

Method: A cross-sectional descriptive study on 1200 students of Thai Binh University of Medicine and Pharmacy. Data collection time is from the end of April 2021, right after the 4th wave of COVID-19 epidemic in Vietnam.

Results: 40,7% of students worked part-time, of which 89,3% had to take time off work due to the COVID-19 epidemic. During the time of isolation, students participate in activities using the internet accounting for a large proportion (>70%). In which,

only <10% of students feel comfortable doing daily activities.

Keywords: Student, life, COVID-19

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) chính thức tuyên bố COVID-19 là một đại dịch và đây là đại dịch đầu tiên gây ra do coronavirus. Tại Việt Nam, ngày 27 tháng 4 năm 2022 đánh dấu khởi đầu của làn sóng dịch COVID-19 thứ 4. Đợt dịch này gây ra bởi biến chủng Delta lây nhiễm nhanh, mạnh hơn.

Để đảm bảo an toàn phòng chống dịch COVID-19, đã có nhiều chủ trương, biện pháp được áp dụng nhằm bảo vệ cho cộng đồng trước đại dịch, trong đó có các biện pháp giãn cách xã hội, cách ly tập trung hoặc tại nơi ở. Do đó đã khiến sinh viên gặp nhiều khó khăn trong đời sống và các nhu cầu mới của sinh viên đã xuất hiện.

Với mục đích cung cấp nguồn thông tin chi tiết về đời sống sinh viên, giúp xây dựng các giải pháp hỗ trợ kịp thời những khó khăn trong thời kỳ đại dịch COVID-19, chúng tôi thực hiện nghiên cứu đề tài với mục tiêu: Tìm hiểu ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến đời sống sinh viên trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2021 – 2022.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

+ Đối tượng nghiên cứu: Tất cả sinh viên hệ chính quy đang học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Là sinh viên hệ chính quy đang học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- Đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn ngoại trừ

- Sinh viên đã dừng học hoặc bảo lưu tại trường.

- Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

+ Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Thời gian thu thập số liệu từ cuối tháng 4/2021, ngay sau khi xảy ra làn sóng dịch COVID-19 thứ 4 tại Việt Nam.

1. Trường đại học Y Dược Thái Bình

*Chịu trách nhiệm chính: Đoàn Văn Ảnh

Email: Anhdv.ytb@gmail.com

Ngày nhận bài: 29/9/2022

Ngày phản biện: 10/10/2022

Ngày duyệt bài: 16/10/2022

- Địa điểm nghiên cứu: tại trường Đại học Y Dược Thái Bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu:

Cỡ mẫu tính theo công thức xác định một tỷ lệ:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2} \times DE$$

Trong đó: n: là số sinh viên tham gia nghiên cứu

Z: là hệ số tin cậy tính theo α , chọn $\alpha = 0,05$. Tra bảng ta có $Z = 1,96$.

p: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về tiêm vaccine phòng COVID-19 ($p = 0,5$).

d: hệ số tin cậy mong muốn, chọn $d = 0,04$

DE: Hệ số ảnh hưởng (Design effect) $DE = 2,0$

Thay các dữ liệu vào công thức tính được $n = 1200$

Phương pháp chọn mẫu:

- Chọn khối sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ 6 học tập tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- Chọn đối tượng điều tra: Tất cả các mã ngành, tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên đơn. Để phù hợp với thiết kế chọn mẫu, nhóm nghiên cứu bổ sung hệ số ảnh hưởng DE khi tính cỡ mẫu.

- Số lượng sinh viên mỗi chuyên ngành được phân bố đồng đều, phù hợp với số lượng và tỷ lệ sinh viên các chuyên ngành hiện đang học tập tại trường.

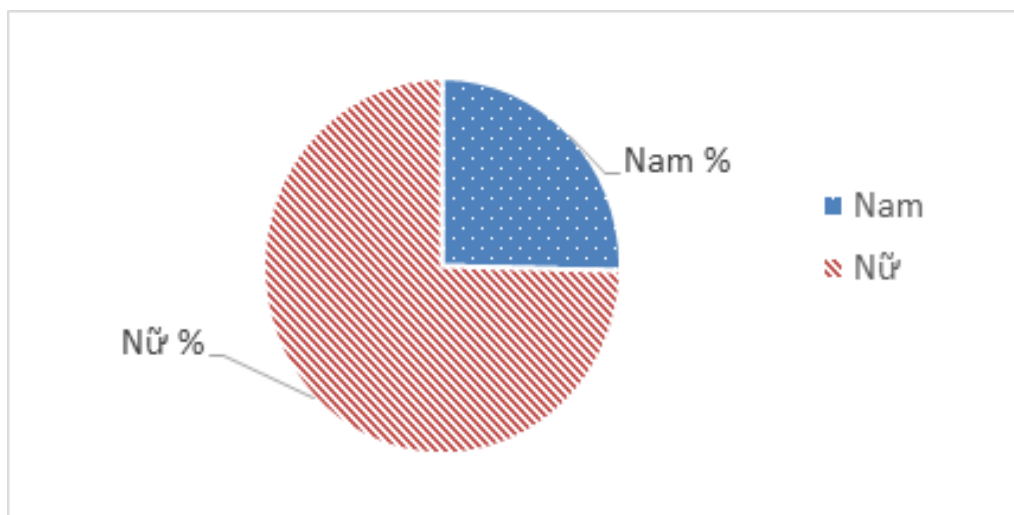
Phương pháp thu thập thông tin

Liên hệ, tập huấn cho điều tra viên là các đồng chí trong Ban chấp hành Chi Đoàn, Chi Hội về việc điền phiếu điều tra theo biểu mẫu trên nền tảng trực tuyến Google form có sẵn. Sau đó triển khai biểu mẫu về các chi đoàn, chi hội mình phụ trách qua các ứng dụng như Email cá nhân, Facebook Messenger, Zalo... Số liệu liên tục được cập nhật đến khi đủ cỡ mẫu thì dừng lại.

Xử lý số liệu

Các câu trả lời được sao chép sang Microsoft Excel (phiên bản 2010) sau đó chuyển sang phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Biểu đồ 1. Biểu đồ về thông tin giới tính của đối tượng

Nhận xét: Theo số liệu biểu đồ 1 cho thấy có 305 đối tượng tham gia nghiên cứu là nam chiếm 25,4% và 895 đối tượng là nữ chiếm 74,6%.

Bảng 1. Thông tin về dân tộc, nơi ở hiện tại và tuổi của đối tượng nghiên cứu (n =1200)

Thông tin chung		Số lượng	Tỷ lệ %
Dân tộc	Kinh	1026	85,5
	Khác	174	14,5
Nơi ở hiện tại	Ký túc xá	202	16,9
	Thuê trọ ngoài	784	65,3
	Ở nhà người thân	26	2,2
	Ở gia đình	187	15,6
	Khác	1	0,1
Độ tuổi trung bình	21,87 ± 1,93		

Nhận xét: Trong tổng số 1200 đối tượng nghiên cứu, dân tộc Kinh chiếm đa số đối tượng (85,5%). Sinh viên phần lớn thuê trọ ngoài (65,3%). Độ tuổi trung bình 21,87 ± 1,93 (tuổi)

Bảng 2. Liên quan sinh viên đi làm thêm với chi trả tiền học phí và sinh hoạt (n =1200)

Chi trả tiền	Đi làm thêm		Có		Không	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không phải vay			166	34,0	436	61,3
Vay 1 phần chi trả học phí			187	38,3	191	26,8
Vay 1 phần chi trả sinh hoạt			64	13,1	50	7,0
Vay toàn bộ học phí			71	14,6	35	4,9
Tổng			488	100	712	100

Nhận xét: Có 488 sinh viên đi làm thêm chiếm 40,7%. Tỷ lệ sinh viên đi làm thêm có xu hướng vay tiền học phí và sinh hoạt nhiều hơn sinh viên không đi làm thêm.

Bảng 3. Ảnh hưởng việc nghỉ làm thêm đến cuộc sống sinh viên

Mức độ	Nghỉ làm thêm		Có		Không	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ảnh hưởng rất nhiều			161	36,9	19	36,5
Ảnh hưởng nhiều			120	27,5	8	15,4
Ảnh hưởng một phần			128	29,4	21	40,4
Ảnh hưởng ít			16	3,7	3	5,8
Không ảnh hưởng			11	2,5	1	1,9
Tổng			436	100	52	100

Nhận xét: Đa số sinh viên đi làm thêm phải nghỉ do dịch COVID-19 chiếm 89,3%.

Bảng 4. Cảm nhận của sinh viên với các việc thường làm trong thời gian giãn cách / cách ly (n=1200)

Cảm nhận Công việc	Nhàm chán		Bình thường		Thoải mái		Tổng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Xem phim	181	15,1	613	51,1	108	9,0	902	75,2
Đọc sách, báo	112	9,3	483	40,3	98	8,2	693	57,8
Luyện tập thể thao	99	8,3	339	28,3	71	5,9	509	42,4
Học thêm kiến thức chuyên khoa	81	6,8	437	36,4	106	8,8	624	52,0
Sử dụng facebook	204	17,0	583	48,6	99	8,3	886	73,8
Sử dụng Internet	157	13,1	604	50,3	99	8,3	860	71,7
Nghe nhạc	133	11,1	476	39,7	108	9,0	717	59,8
Khác	0	0	3	0,3	0	0	3	0,3

Nhận xét: Những việc thường làm của sinh viên, trong thời gian cách ly/giãn cách chiếm tỷ lệ nhiều là xem phim (75,2%), Sử dụng facebook (73,8%), Sử dụng internet (71,7%). Sinh viên cảm thấy thoải mái chiếm tỷ lệ thấp (5,9% - 9,0%).

IV. BÀN LUẬN

Trong số các đối tượng tham gia vào nghiên cứu có 305 nam (chiếm 25,4%) và 895 nữ (chiếm 74,6%), tỷ lệ nam/nữ xấp xỉ 1/2,9. Tương đồng với nghiên cứu Lê Minh Đạt (2020) tại trường Đại học Y Hà Nội tỷ lệ sinh viên nữ (62,43%) cao hơn sinh viên nam (37,57%) [1]. Điều này do tỷ lệ sinh viên nữ hiện theo học tại trường tỷ lệ cao hơn sinh viên nam.

Đối tượng sinh viên dân tộc Kinh chiếm 85,5%, sinh viên dân tộc khác chiếm 14,5%. Với sinh viên dân tộc thiểu số, cùng với việc sống xa gia đình, thiếu thốn trong vấn đề kinh tế, khác biệt về phong cách sống là yếu tố khó khăn trong thời gian xảy ra đại dịch COVID-19.

Theo nghiên cứu, số lượng sinh viên ở cùng gia đình chỉ có 15,6%, phần lớn sinh viên ở Ký túc xá và thuê trọ ngoài chiếm 82,2%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Vũ Minh Hải (2021) [2]. Sinh viên phải tự lập, tự cân đối, sắp xếp về các vấn đề đời sống, xã hội, nhận được ít hơn sự hỗ trợ trực tiếp từ gia đình, do đó sinh viên càng khó khăn trong thời gian này. Để giải quyết vấn đề sinh viên cần có sự hỗ trợ từ Nhà trường và người xung quanh.

Theo kết quả bảng 2 tỷ lệ sinh viên đi làm thêm chiếm tỷ lệ tương đối cao (40,7%). Trong đó tỷ lệ

sinh viên đi làm thêm có xu hướng vay tiền học phí và sinh hoạt nhiều hơn sinh viên không đi làm thêm. Do đó, vấn đề làm thêm của sinh viên trường Đại học Y Dược Thái Bình phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu phục vụ học tập và đời sống. Nếu ảnh hưởng đến công việc làm thêm sẽ tạo nên khó khăn trực tiếp trong đời sống của sinh viên. Công việc chủ yếu của sinh viên là làm việc bán thời gian như: bán hàng tại siêu thị, cửa hàng; các công việc phục vụ, thu ngân tại nhà hàng; và gia sư, dạy thêm cho học sinh ... tất cả đều là những công việc mà số lượng người làm giảm đi đáng kể do đại dịch. Do đó sinh viên có nguy cơ sinh viên bị mất việc làm do đại dịch COVID-19.

Bảng 3 cho thấy có 436/488 sinh viên nghỉ làm thêm chiếm 89,3%. Kết quả này cao hơn rất nhiều so với nghiên cứu tại Nhật Bản năm 2020 có 45,9% sinh viên bị mất việc làm do dịch COVID-19 [3]. Điều này do kinh tế tại Thái Bình còn hạn chế, số lượng việc làm cho sinh viên còn chưa nhiều, chưa đa dạng, việc làm thêm không có tính ổn định, bền vững, dễ ảnh hưởng.

Điều này đang ảnh hưởng lớn đến việc đời sống của sinh viên. Kết quả cho thấy việc nghỉ làm thêm đã ảnh hưởng mức độ rất nhiều đến 36,9% sinh viên và mức độ nhiều 27,5% sinh viên. Kết quả này

cao hơn so với nghiên cứu thực hiện tại Hoa Kỳ cho thấy khoảng 1/3 sinh viên báo cáo rằng hoàn cảnh sống của họ đã thay đổi do hậu quả của đại dịch [4]. Điều này cho thấy nước ta kinh tế còn khó khăn, sinh viên ngoài vấn đề đi học còn làm thêm hỗ trợ gia đình chi trả học tập và sinh hoạt, đặc biệt ở vùng kinh tế kém phát triển, do đó cần mở rộng sự hỗ trợ của cộng đồng để cải thiện và giải quyết các vấn đề ảnh hưởng do kinh tế với sinh viên.

Giãn cách xã hội hoặc các biện pháp phong tỏa, cách ly ảnh hưởng lớn đến các thói quen sinh hoạt, các hoạt động thường ngày của sinh viên, qua đó gián tiếp gây ảnh hưởng đến đời sống của họ. Nghiên cứu cho thấy sinh viên dành nhiều thời gian online và sử dụng internet nhiều hơn. Nhiều nhất là xem phim 75,2%, sử dụng facebook chiếm 73,8%, sử dụng Internet tìm kiếm thông tin 71,7%, nghe nhạc 59,8%. Các hoạt động khác không sử dụng thiết bị công nghệ và internet sinh viên thực hiện ít hơn bao gồm: Đọc sách, báo (57,8%), Học thêm kiến thức chuyên khoa (52%), luyện tập thể thao (42,4%). Nghiên cứu này tương đồng với các nghiên cứu thực hiện trước đây, sinh viên không được ra khỏi nhà và cảm thấy không thể ở trong khu vực không có Internet [5].

Khi các hoạt động sinh hoạt thường ngày thay đổi, không được đến lớp học, không thể tham gia vào các hoạt động xã hội và nhiều dự định bị bỏ dở, tỷ lệ sinh viên cảm thấy thoải mái trong các hoạt động chiếm tỷ lệ rất thấp từ 5,9% - 9,0%. Do đó sinh viên cảm thấy buồn chán, choáng ngợp và không thoải mái vì họ không tham gia các hoạt động, chỉ tham gia các hoạt động trực tuyến. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu được thực hiện ở Trung Quốc cho thấy mức độ lo lắng và trầm cảm của các học sinh ở Trung Quốc trong đợt dịch COVID-19 cao hơn mức tiêu chuẩn quốc gia [6]. Vì vậy việc quan tâm, thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định đời sống, giúp cải thiện tâm lý là quan trọng và cần thiết đối với sinh viên.

V. KẾT LUẬN

Qua phân tích kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Sinh viên đi làm thêm chiếm 40,7%. Sinh viên đi làm thêm có xu hướng vay tiền học phí và sinh hoạt nhiều hơn sinh viên không đi làm thêm.

- Có 89,3% sinh viên nghỉ làm thêm do dịch COVID-19. Việc này đã ảnh hưởng đến đời sống sinh viên mức độ rất nhiều 36,9% và mức độ nhiều 27,5%.

- Trong thời gian giãn cách / cách ly, sinh viên tham gia các hoạt động sử dụng internet như xem phim, sử dụng facebook, tìm kiếm thông tin online... chiếm tỷ lệ nhiều (>70%).

- Tỷ lệ sinh viên cảm thấy thoải mái trong các hoạt động hàng ngày chiếm tỷ lệ rất thấp từ 5,9% - 9,0%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Minh Đạt và cộng sự (2020).** Kiến thức, thái độ của sinh viên Đại học Y Hà Nội đối với COVID-19, năm 2020: Một khảo sát nhanh trực tuyến. Tạp chí Y học dự phòng, tập 3(3), 18-28.
2. **Vũ Minh Hải và cộng sự (2021).** Đánh giá nhận thức về nguy cơ nhiễm COVID-19 của sinh viên y đa khoa trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2021. Đề tài KHCN cơ sở. Trường Đại học Y Dược Thái Bình
3. **Shinobu Tsurugano, Mariko Nishikitani, Mariko Inoue, et al (2021).** Impact of the COVID-19 pandemic on working students: Results from the Labour Force Survey and the student lifestyle survey. Journal Occup Health.
4. **The Healthy Minds Network (2020).** The impact of COVID-19 on college student well-being.
5. **Zeliha Cengiz, Züleyha Gurdap, Kevser Isik (2021).** Challenges experienced by nursing students during the COVID-19 pandemic. Perspective in psychiatric care.
6. **W. Cao, Z. Fang, G. Hou, M. Han, X. Xu, et al (2020).** The psychological impact of the COVID-19 epidemic on college students in China. Psychiatry Res. vol. 287, no. March, p. 112934.